TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HOÀ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 46/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 02 - 2021
"*V/v Ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Thị Kim Tiến.
2. Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1032/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự**:**

1. Nguyên đơn: Chị Danh Thị C, sinh năm: 1991.
Địa chỉ: Ấp 21, xã Minh D, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.
Chỗ ở hiện nay: Nhà tập thể Công ty TNHHSX-TM&XNK Thiên U thuộc ấp Bàu S, xã Đức Lập H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1994.
Địa chỉ: Ấp 21, xã Minh D, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.
Chỗ ở hiện nay: Nhà tập thể Công ty TNHHSX-TM&XNK Thiên U thuộc ấp Bàu S, xã Đức Lập H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Chị C xin vắng mặt; Anh L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 15/7/2020 và những lời Ki tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Danh Thị C trình bày: Chị Danh Thị C và anh Nguyễn Thanh L chung sống với nhau vào năm 2015 đến năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh D, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu ngày 24 tháng 02 năm 2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp nên đã ly thân từ cuối năm 2018

đến nay. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn anh L.

Về con chung: Chị C Ki, chị C và anh L chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2015. Khi ly hôn, chị C xin được quyền tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Thanh L, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh L không đến Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An làm việc hoặc phản hồi ý kiến của anh L về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn anh Nguyễn Thanh L có đăng ký tạm trú tại nhà tập thể Công ty TNHHSX-TM&XNK Thiên U thuộc ấp Bàu S, xã Đức Lập H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Theo danh sách lưu trú của Công an xã Đức Lập H xác nhận ngày 13 tháng 7 năm 2020) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Danh Thị C xin vắng mặt và bị đơn anh Nguyễn Thanh L vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị C và anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Danh Thị C và anh Nguyễn Thanh L chung sống với nhau vào năm 2015 đến năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh D, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu ngày 24 tháng 02 năm 2016 nên quan hệ hôn nhân của chị C và anh L được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị C và anh L chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được. Mặt khác, chị C Ki hai vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn anh L. Ngược lại, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ cũng như không tham gia phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa chị C và anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì

vậy, chị C yêu cầu được ly hôn với anh L là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị C Ki, chị C và anh L chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2015. Khi ly hôn, chị C xin được quyền tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Ngược lại, anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: Chị C Ki, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Ngược lại, anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Chị C Ki, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Ngược lại, anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Danh Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị C xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Danh Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

Về con chung: Chị Danh Thị C được quyền tiếp tục nuôi con chung tên con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2015 hiện chị C đang nuôi. Anh Nguyễn Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị C không yêu cầu.

Anh L có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom cháu K mà không ai được cản trở. Trường hợp anh L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L theo quy định của

pháp luật. Chị C cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của anh L.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì anh L, người thân thích của các cháu K, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Danh Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai số 6348 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, chị C, anh L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Hiệp